TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2020/DS-PT
Ngày: 05-05-2020
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự- nợ hụi;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Ông Lê Thành Tôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 05 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2020 về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự- nợ hụi* ". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2019/ DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 106/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 03 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngô Tuyết V, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Huỳnh Văn T1, sinh năm 1967; Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn bà Ngô Tuyết V trình bày:

Nguyên trước đây bà có làm đầu thảo và bà Nguyễn Thị T có tham gia hụi của tôi gồm các dây hụi như sau:

1. Dây hụi tháng mở ngày 30/9/2014 (âl) có 14 thành viên tham gia, hụi mùa 5.000.000 đồng chị T tham gia một phần, T hốt hụi kỳ thứ hai ngày 30/3/2015 được 36.400.000 đồng (có ký biên nhận, nhận tiền), T còn thiếu 11 kỳ hụi chết là 55.000.000 đồng.

2. Dây hụi tháng mở ngày 11/6/2014 (âl) có 14 thành viên tham gia, mỗi phần 1.000.000 đồng chị T tham gia một phần. Chị T hốt hụi kỳ nhất vào ngày 11/6/2014 (âl) với số tiền là 8.060.000 đồng, chị T đóng hụi chết được 11 kỳ với số tiền là 11.000.000 đồng, hiện T còn thiếu 02 kỳ hụi chết là 2.000.000 đồng.

3. Dây hụi tháng mở ngày 30/7/2014 (âl) có 14 thành viên tham gia, mỗi phần 1.000.000 đồng chị T tham gia một phần. Chị T hốt hụi kỳ ba vào ngày 30/9/2014 (âl) với số tiền là 8.820.000 đồng, chị T đóng hụi chết được 08 kỳ với số tiền là 8.000.000 đồng, chị T còn thiếu 03 kỳ hụi chết là 3.000.000 đồng.

4. Dây hụi tháng mở ngày 30/9/2014 (âl) có 15 thành viên tham gia, mỗi phần 1.000.000 đồng chị T tham gia một phần. Chị T hốt hụi kỳ hai vào ngày 30/10/2014 (âl) với số tiền là 8.800.000 đồng, chị T đóng hụi chết được 07 kỳ với số tiền là 7.000.000 đồng hiện T còn thiếu 06 kỳ hụi chết là 6.000.000 đồng.

5. Dây hụi tháng mở ngày 10/12/2014 (dl) có 15 thành viên tham gia, mỗi phần 1.000.000 đồng chị T tham gia hai phần. Chị T hốt hụi kỳ nhất vào ngày 10/12/2014 (dl) với số tiền là 8.400.000 đồng, chị T hốt hụi lần hai vào kỳ thứ tám vào ngày 10/6/2015 (dl) với số tiền là 11.550.000 đồng, chị T đóng hụi chết được 06 kỳ của phần hụi đầu với số tiền là 6.000.000 đồng, Sau khi chị T hốt hụi lần thứ hai thì chị T không đóng hụi cho tôi nửa và chị T còn thiếu lại tôi 08 kỳ phần hụi chết với số tiền là 8.000.000 đồng x 02 phần = 16.000.000 đồng, hiện nay chị T còn thiếu mỗi phần là 08 kỳ hụi chết, tổng cộng là 16 kỳ hụi chết là 16.000.000 đồng.

6. Dây hụi tháng mở ngày 10/02/2015 (dl) có 15 thành viên tham gia, mỗi phần 1.000.000 đồng chị T tham gia một phần. Chị T hốt hụi kỳ hai vào ngày 10/3/2014 (âl) với số tiền là 7.955.000 đồng, chị T đóng hụi chết được 03 kỳ với số tiền là 3.000.000 đồng và hiện T còn thiếu 10 kỳ hụi chết là 10.000.000 đồng.

7. Dây hụi tháng mở ngày 17/02/2015 (âl) có 14 thành viên tham gia, mỗi phần 1.000.000 đồng chị T tham gia một phần. Chị T hốt hụi kỳ hai vào ngày 17/3/2015 (âl) với số tiền là 8.200.000 đồng, chị T đóng hụi chết được 01 kỳ với số tiền là 1.000.000 đồng và hiện T còn thiếu 12 kỳ hụi chết là 12.000.000 đồng.

8. Dây hụi tháng mở ngày 17/02/2015 (âl) có 14 thành viên tham gia, mỗi phần 1.000.000 đồng chị T tham gia một phần. Chị T hốt hụi kỳ hai vào ngày 17/3/2015 (âl) với số tiền là 8.800.000 đồng, chị T đóng hụi chết được 01 kỳ với số tiền là 1.000.000 đồng và hiện T còn thiếu 12 kỳ hụi chết là 12.000.000 đồng.

9. Dây hụi tháng mở ngày 20/3/2015 (âl) có 15 thành viên tham gia, mỗi phần 1.000.000 đồng chị T tham gia một phần. Chị T hốt hụi kỳ hai vào ngày 20/3/2015 (âl) với số tiền là 9.100.000 đồng, chị T đóng hụi chết được 02 kỳ với số tiền là 2.000.000 đồng và hiện T còn thiếu 12 kỳ hụi chết là 12.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi bà V yêu cầu bà T, ông T1 liên đới trả là 128.000.000đồng. Đến ngày 01/10/2019, bà V có đơn xin rút một phần yêu cầu

khởi kiện đối với dây hụi 5.000.000đồng ngày 30/9/2014 là 26.000.000đồng, 10/12/2014, 17/02/2015 (02 dây) và ngày 20/3/2015 mỗi dây 1.000.000đồng. Như vậy, tổng số tiền bà yêu cầu là 98.000.000đồng (Chín mươi tám triệu đồng).

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Trước đây bà chỉ tham gia dây hụi tháng 5.000.000đồng khui ngày 30/9/2014 âm lịch, nhưng dây hụi này là bà Ngô Tuyết V là đầu thảo bể hụi, bà đóng được 03 lần, cho đến nay bà V chưa hoàn trả cho bà số tiền 15.000.000đồng. Còn đối với các dây hụi tháng mà bà V yêu cầu bà trả là không có căn cứ vì các dây hụi này đều là hụi khống. Nay bà không đồng ý trả bà V số tiền 98.000.000đồng. Bà yêu cầu bà V trả số tiền 15.000.000đồng của dây hụi 5.000.000đồng ngày 30/9/2014 âm lịch.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T1 trình bày: Ông thống nhất theo ý kiến của vợ ông là bà T. Nếu bà V có đủ căn cứ thể hiện vợ ông có tham gia các dây hụi này thì ông cũng đồng ý cùng vợ ông trả nợ hụi cho bà V.

4. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Tuyết V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn T1 liên đới trả số tiền hụi còn thiếu của 08 dây hụi 1.000.000đ và 01 dây hụi 5.000.000đ số tiền là 98.000.000đ (chín mươi tám triệu đồng);

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Tuyết V đối với số tiền 30.000.000đ;

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Ngô Tuyết V trả số tiền 15.000.000đ của dây hụi ngày 30/9/2014 al.

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

5. Sau khi xét xử sơ thẩm bà T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 57/2019/ DS-ST ngày 07/10/2019 của Tòa án huyện M.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn; giữ nguyên nội dung kháng cáo;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người T1 hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng có của bà T. Giữ nguyên nội dung quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Ngô Tuyết V đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị T về số tiền nợ hụi nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là Tranh chấp hợp đồng dân sự - về nợ hụi phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn trong vụ án hiện đang sinh sống tại Thị trấn M, huyện M nên Tòa án huyện M thụ lý giải quyết là phù hợp với quy tại khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà T về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm;

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của người làm chứng thì chứng tỏ rằng bà T có tham gia các dây hụi như bà V trình bày; Sau đó, bà T đã có hốt hụi nhưng chưa hoàn tất việc đóng nợ hụi; Đồng thời, theo lời trình bày của các hụi viên có chung dây hụi thì các bên thống nhất với nhau, hụi 500.000đ/tháng và hụi 1.000.000đ/tháng, khi hốt thì không làm biên nhận, nhưng hụi 5.000.000đ/tháng thì khi hốt hụi phải có biên nhận, đều này cũng phù hợp với chứng cứ mà bà V cung cấp.

- Bên cạnh đó, căn cứ vào biên bản hòa giải ở khóm 3, thị trấn M ngày 08/8/2015 có ghi 09 dây hụi mà bà T đã hốt rồi nhưng bà T không đóng tiền nợ hụi nên bà V có phát sinh tranh chấp; căn cứ vào bản án số 39/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án huyện M thì đã giải quyết 01 dây hụi 1.000.000đ/tháng; còn lại 08 dây hụi 1.000.000đ/tháng và 01 dây hụi 5.000.000đ/tháng thì chưa được giải quyết. Do đó, việc bà V yêu cầu bà T trả tiền nợ hụi còn nợ lại của 08 dây hụi 1.000.000đ/tháng và 01 dây hụi 5.000.000đ/tháng là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T.

- Đối với, yêu cầu xác minh và lấy lời khai người làm chứng tên Nguyễn Tuyết T2; Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm đã có lấy lời khai làm rõ nên cấp phúc thẩm không xem xét yêu cầu này của bà T.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên đã đủ cơ sở để chứng minh bà T còn nợ tiền hụi của bà V. Do đó, việc bà V yêu cầu bà T và ông T1 chồng bà T liên đới trả tiền nợ hụi cho bà V là phù hợp.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T nên bà T phải chịu tiền án phí phúc thẩm;

Các nội dung còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 203 Luật đất đai; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T;

2. Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 57/2019/DS-ST ngày 07/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện M;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Tuyết V;

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn T1 liên đới trả số tiền hụi còn thiếu của 08 dây hụi 1 triệu và 01 dây hụi 5.000.000đ cho bà Ngô Tuyết V với số tiền tổng cộng là 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng);

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Tuyết V đối với số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Ngô Tuyết V trả số tiền 15.000.000đ của dây hụi ngày 30/9/2014 (âl).

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Về án phí:

Bà Ngô Tuyết V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.200.000đ theo biên lai thu số 0004093 ngày 12/12/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện M.

Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn T1 phải chịu số tiền 5.650.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 375.000đ theo biên lai số 0007483 ngày 28/01/2019. Bà T, ông T1 còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.275.000đ.

Bà T phải nộp 300.000đ án phí phúc thẩm; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006795 ngày 18/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. Tháp Mười;
- Chi cục THADS H. Tháp Mười;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Võ Trinh